

Số: **09** /2015/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 04 tháng 12 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 thành phố Cần Thơ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 thành phố Cần Thơ, cụ thể như sau:

I. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi áp dụng:

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của thành phố Cần Thơ, của các cấp, các ngành và đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước. Đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra của cấp có thẩm quyền đối với việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước (dưới đây gọi tắt là Sở, ban, ngành và quận, huyện).

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

II. Ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước được bố trí để chuẩn bị đầu tư và thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp hoặc không xã hội hóa được thuộc ngành, lĩnh vực như sau:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản:

Các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển thủy sản; phát triển giống cây trồng, vật nuôi; các dự án phòng, tránh thiên tai, bão lụt, hạn hán.

2. Công nghiệp:

Hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; mạng lưới điện nông thôn; mạng lưới điện phục vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

3. Thương mại:

Trung tâm hội chợ triển lãm; các dự án chợ nông thôn không thể thực hiện xã hội hóa.

4. Giao thông:

Các dự án hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, đường giao thông nông thôn

5. Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải:

Các dự án cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải.

6. Kho tàng:

Các dự án kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, lưu giữ hàng dự trữ của thành phố; lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

7. Văn hóa:

Các dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo bảo tàng, thư viện, di sản lịch sử - văn hóa; bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa trên địa bàn.

8. Thể thao:

Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thể dục, thể thao.

9. Du lịch:

Các dự án hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm, địa bàn du lịch.

10. Khoa học, công nghệ:

Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; các trạm, trại thực nghiệm; cơ sở hạ tầng khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các nội dung khác theo quy định của Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ.

11. Thông tin - Truyền thông:

Các dự án phục vụ hoạt động xuất bản, báo chí, phát thanh, truyền hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội, công ích thiết yếu của thành phố. Các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn.

12. Công nghệ thông tin:

Các dự án đầu tư hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin; bảo mật và an toàn thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước; hạ tầng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; hạ tầng thương mại điện tử, giao dịch điện tử.

13. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp:

Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục, đào tạo và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cấp học từ mầm non đến đại học và hạ tầng kỹ thuật các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp công lập do thành phố quản lý.

14. Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm:

Các dự án bệnh viện, các cơ sở y tế, trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

15. Xã hội:

Các dự án nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe cán bộ, công chức; cai nghiện và các dự án trợ giúp xã hội khác; các dự án cải tạo, nâng cấp ghi công liệt sỹ, người có công.

16. Tài nguyên và môi trường:

Các dự án trong lĩnh vực đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước; quan trắc cảnh báo môi trường; bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

17. Quản lý nhà nước:

Các dự án đầu tư trụ sở, nhà công vụ và trang thiết bị làm việc của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư; hỗ trợ đầu tư xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp theo thỏa thuận giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân thành phố.

18. Quốc phòng, an ninh:

Hỗ trợ đầu tư các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trong khả năng cân đối ngân sách thành phố và thỏa thuận giữa Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân thành phố.

19. Dự trữ:

Thực hiện nhiệm vụ dự trữ khi có chỉ đạo của cấp thẩm quyền hoặc có yêu cầu phải xử lý ngay.

III. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020

1. Nguyên tắc chung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của thành phố:

a) Phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các Sở, ban, ngành cấp thành phố; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ sở.

c) Phục vụ việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết Đảng bộ thành phố lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của thành phố và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; bảo đảm các cân đối lớn, an toàn nợ công.

đ) Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

e) Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cơ sở hạ tầng ở các nơi có đồng bào dân tộc thiểu số sống tập trung; thực hiện mục tiêu xây dựng xã nông thôn mới, đầu tư cơ sở hạ tầng các xã chuyển thành phường tại các quận sau khi thành lập thành phố, đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trọng điểm, chương trình mục tiêu, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, các cấp, các ngành.

g) Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

h) Dành vốn ngân sách dự phòng theo đúng quy định trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 cho các Sở, ban, ngành cấp thành phố và quận, huyện

a) Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, theo các tiêu chí và định mức vốn đầu tư phát triển được xây dựng áp dụng cho năm ngân sách 2016 để làm cơ sở xác định số vốn cân đối của ngân sách thành phố cho ngân sách quận, huyện, được ổn định giai đoạn 2016 - 2020.

b) Đối với nguồn vốn Trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn nước ngoài (ODA), giao theo danh mục và chỉ tiêu Trung ương giao, kể cả hoàn trả vốn ứng trước (nếu có).

c) Đối với các nguồn vốn ngân sách địa phương quản lý:

- Đối với nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, tiền sử dụng đất, nguồn khai thác thêm từ quỹ đất, mặt nước (nếu có), phân bổ như sau: Ưu tiên bố trí vốn trả nợ các khoản vay, hoàn vốn tạm ứng các năm trước (nếu có), để lại dự phòng 10% để giải quyết những dự án, vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, công trình cấp bách phát sinh trong kỳ kế hoạch. Số vốn còn lại phân bổ như sau: Dự án, công trình do thành phố quản lý 60%; dự án, công trình do quận, huyện quản lý 40%.

- Đối với nguồn vốn xổ số kiến thiết thực hiện bố trí: để lại dự phòng 10% để giải quyết những dự án, vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, công trình phát sinh trong kỳ kế hoạch (chỉ áp dụng đối với các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, y tế); số vốn còn lại phân bổ cho các dự án, công trình thành phố quản lý 50%; dự án, công trình do quận, huyện quản lý 50%.

d) Sau khi cân đối mức vốn hợp lý trong kế hoạch vốn thực hiện. Việc bố trí vốn thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2016 - 2020 theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Bố trí vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có); cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư (theo nhu cầu lập dự án đầu tư/báo cáo kinh tế kỹ thuật hàng năm): Thành phố chỉ bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho các công trình/dự án do Trung ương, cấp thành phố quyết định chủ trương đầu tư trên địa bàn; quận - huyện bố trí vốn chuẩn bị đầu tư cho các công trình/dự án do cấp mình quyết định chủ trương đầu tư.

- Dự án khởi công mới phải đáp ứng các quy định tại Khoản 5 Điều 54 của Luật Đầu tư công và Khoản 2, Khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

đ) Các dự án, công trình được bố trí vốn phải nằm trong quy hoạch được duyệt, có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút các nguồn vốn khác, bảo đảm mục tiêu huy động cao nhất các nguồn vốn cho đầu tư phát triển;

e) Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho các quận, huyện phải được thực hiện theo đúng mục tiêu đã phân bổ; Trường hợp trong năm ngân sách không thực hiện giải ngân hết, thành phố sẽ thu hồi về kết dư ngân sách thành phố hoặc tiếp tục hỗ trợ cho quận, huyện nhưng phải đảm bảo theo mục tiêu đã phân bổ ban đầu.

g) Vốn đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và khoa học công nghệ từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương thực hiện theo quy định của Trung ương.

h) Đối với nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết thực hiện như sau:

Chi 100% cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, trong đó, chi tối thiểu 65% cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề.

Hàng năm, tùy theo nhu cầu đầu tư cho xã nông thôn mới và các công trình phúc lợi xã hội quan trọng khác, Hội đồng nhân dân thành phố xem xét quyết nghị cụ thể tỷ lệ đầu tư từ cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế và một số ngành, lĩnh vực khác theo đúng quy định.

IV. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn cân đối ngân sách địa phương, tiền sử dụng đất, nguồn khai thác thêm từ quỹ đất, mặt nước (nếu có), nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết cho các quận, huyện

Vốn cân đối ngân sách địa phương, tiền sử dụng đất, nguồn khai thác thêm từ quỹ đất, mặt nước (nếu có), nguồn xổ số kiến thiết phân bổ cho các quận, huyện theo Điểm c, Khoản 2 của Mục III được phân chia cho từng quận, huyện theo các tiêu chí và cách tính cụ thể như sau:

1. Cơ sở xác định các tiêu chí: Gồm 5 nhóm tiêu chí:

a) Nhóm tiêu chí dân số, gồm 2 tiêu chí:

- Số dân trung bình của quận, huyện;
- Số người dân tộc thiểu số.

b) Nhóm tiêu chí trình độ phát triển, gồm 2 tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ nghèo;
- Số thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất).

c) Nhóm tiêu chí diện tích của quận, huyện, gồm 2 tiêu chí:

- Diện tích đất tự nhiên;
- Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa/Tổng diện tích đất tự nhiên.

d) Nhóm tiêu chí đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn) hiện có.

đ) Nhóm tiêu chí bổ sung, gồm 3 tiêu chí:

- Tiêu chí các xã chuyển đổi thành phường sau khi thành lập thành phố (từ tỉnh Cần Thơ cũ) (gọi tắt là Tiêu chí các xã chuyển đổi thành phường);

- Tiêu chí tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp (không tính diện tích đất trồng lúa)/Tổng diện tích đất tự nhiên (gọi tắt là Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp);

- Tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới.

2. Xác định số điểm của từng tiêu chí

a) Tiêu chí dân số:

Bao gồm số dân (xác định theo số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2014) và số người dân tộc thiểu số (xác định theo số liệu do Ban Dân tộc thành phố cung cấp). Cách tính cụ thể như sau:

- Điểm của tiêu chí dân số: dân số trung bình tại thời điểm cuối năm 2014.

Số dân	Điểm
Đến 90.000 người	10
Từ 90.000 người, cứ tăng thêm 20.000 người được thêm	1

- Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số: số người dân tộc thiểu số có đến thời điểm cuối năm 2014.

Số dân	Điểm
Cứ 5.000 người dân tộc thiểu số được	1 điểm

b) Tiêu chí về trình độ phát triển:

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Được xác định theo Quyết định công bố của Ủy ban nhân dân thành phố vào thời điểm cuối năm 2014.

Tỷ lệ hộ nghèo (chuẩn mới)	Điểm
Dưới 1% tỷ lệ hộ nghèo	1 điểm
Trên 1% tỷ lệ hộ nghèo, cứ 1% tăng thêm được	1 điểm

- Điểm của tiêu chí thu nội địa năm 2015:

Được xác định dựa vào số thu nội địa được Hội đồng nhân dân thành phố giao cho quận, huyện tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách năm 2015 (không bao gồm thu tiền sử dụng đất).

Thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất)	Điểm
Từ 40 tỷ đồng trở xuống	1
Từ 41 đến 60 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm thì được tính thêm	1
Từ 61 đến 120 tỷ đồng, cứ 5 tỷ đồng tăng thêm thì được tính thêm	1,2
Từ 121 trở lên, cứ 5 tỷ đồng tăng thêm thì được tính thêm	0,25

c) Tiêu chí diện tích gồm:

- Điểm của tiêu chí diện tích tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Dưới 20.000 ha	6
Từ 20.000 ha trở lên, cứ tăng thêm 10.000 ha thì được tính thêm	2

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên:

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa/Tổng diện tích đất tự nhiên	Điểm
- Các quận, huyện có tỷ lệ diện tích đất trồng lúa/Tổng diện tích đất tự nhiên: Dưới 20% không được tính điểm	
- Từ 20% đến 30%, cứ 1% được tính tăng thêm	0,2 điểm
- Trên 30% đến 50%, cứ 1% được tính tăng thêm	0,4 điểm
- Trên 50%, cứ 1% được tính tăng thêm	0,8 điểm

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn (đơn vị cấp xã):

Đơn vị hành chính	Điểm
Mỗi đơn vị cấp xã được tính	1

đ) Các tiêu chí bổ sung gồm:

- Tiêu chí các xã chuyển đổi thành phường:

Đơn vị hành chính	Điểm
Mỗi đơn vị cấp xã được nâng lên thành phường được tính	3

- Tiêu chí tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp:

Tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp	Điểm
- Các quận, huyện có tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp dưới 10% không được tính điểm	
- Từ 10% đến 30%, cứ 1% được tính tăng thêm	0,5 điểm
- Trên 30%, cứ 1% được tính tăng thêm	1 điểm

- Điểm của tiêu chí xây dựng nông thôn mới:

Xã nông thôn mới	Điểm
Mỗi xã chưa được công nhận xã nông thôn mới	1

Tổng hợp điểm của các quận, huyện theo các tiêu chí 693 điểm. Cụ thể:

TT	Đơn vị	Điểm tiêu chí về dân số		Điểm tiêu chí về trình độ phát triển		Điểm tiêu chí về diện tích		Điểm tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã	Điểm tiêu chí bổ sung			Tổng số điểm
		Trong đó		Trong đó		Trong đó			Trong đó			
		Điểm dân số	Điểm dân tộc thiểu số	Điểm tỷ lệ hộ nghèo	Điểm thu nội địa	Điểm diện tích tự nhiên	Điểm tỷ lệ diện tích đất trồng lúa		Tiêu chí các xã chuyển đổi thành phường	Tiêu chí tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp	Điểm xã nông thôn mới	
1	Quận Ninh Kiều	18	2	1	40	6	0	13	3	5	0	88
2	Quận Bình Thủy	12	0	1	19	6	0	8	9	14	0	69
3	Quận Cái Răng	10	0	1	19	6	0	7	15	13	0	71
4	Quận Ô Môn	12	1	5	10	6	11	7	18	7	0	77
5	Quận Thốt Nốt	14	0	3	17	6	10	9	24	0	0	83
6	Huyện Phong Điền	11	0	3	1	6	2	7	0	34	1	65

7	Huyện Cờ Đỏ	12	1	6	2	8	36	10	0	0	7	82
8	Huyện Thới Lai	12	0	5	2	7	32	13	0	1	10	82
9	Huyện Vĩnh Thạnh	11	0	3	1	8	36	11	0	0	6	76
TỔNG CỘNG												693

3. Xác định mức vốn đầu tư phát triển cho các quận, huyện

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng quận, huyện và tổng số điểm của 9 quận, huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối. Tổng vốn cân đối cho mỗi quận, huyện được tính bằng:

$$\text{Tổng vốn đầu tư cân đối cho mỗi quận, huyện} = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư phân bổ cho các quận, huyện}}{\text{Tổng số điểm của các quận, huyện}} \times \text{Số điểm của mỗi quận, huyện}$$

Điều 2.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa VIII, kỳ họp thứ mười tám thông qua ngày 04 tháng 12 năm 2015 và được phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hiếu